

CÁC CÔNG TY ĐẠT CHỨNG CHỈ VFCS/PEFC-FM, PEFC-COC

TT	Tên công ty	Diện tích (ha)	Mã số chứng chỉ FM	Mã số chứng chỉ CoC
ĐÔNG NAM BỘ				
1	Công ty CP Cao su Bà Rịa	4.491,32	GFA-FM/CO C- 500500	SGS VN21/00135 (1 NM)
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	14.873,93	GFA-FM/CO C-500466	GFA-CoC-500489 (2 NM)
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	25.152,40	SGSVN-VFCS/PEFC-SFM-000003	GFA-CoC-500496 (3 NM)
4	Công ty TNHH MTV TCT Cao su Đồng Nai	11.035,00	GFA-FM/CoC-500498	SGS VN21/00044 (3NM)
5	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (Bao gồm Đồng Phú - Đắk Nông)	10.297,18	GFA-FM/CoC-500506	SGS VN21/00132 (3 NM)
6	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	7.099,40	GFA-FM/CoC-500499	SGS VN21/00134 (2 NM)
7	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	17.340,51	GFA-FM/CoC-500464	GFA-CoC-500492 (2 NM)
8	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	4.426,11	GFA-FM/CoC-500501	SGS VN21/00099 (1 NM)
9	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	7.125,66	GFA-FM/CoC-500508	SGS VN21/00098 (2 NM)
10	Công ty CP Cao su Phước Hòa	2.786,95	VN009746	SGSCH-PEFC-COC-370029 (3NM)
11	Công ty CP Cao su Hòa Bình	1.662,75	SGSVN-VFCS/PEFC-SFM-000004	SGSCH-PEFC-COC-370069 (1NM)
TÂY NGUYÊN				
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	5.759,63	VFCS/11-1A-11/VN008091	SGS VN21/00173 (1 NM)
13	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	6.130,65	VFCS/11-1A-10/VN008090	BV/CdC/0499460 (2 NM)
14	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	5.360,14	SGSVN-VFCS/PEFC-SFM-000001	SGSCH-PEFC-COC-370022 (1NM)
15	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	7.437,14	VN009362	S G S C H - P E F C - COC-370024 (1NM)
16	Công ty CP Cao su Sa Thầy	1.736,10	VN009456	BV/CdC/4335479 (1NM)
17	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	2.105,16	VN009284	BV/CdC/4234634 (2NM)
18	Công ty TNHH MTV Cao su Ea H’leo	Đang thực hiện		SGSCH-PEFC-COC-370033 (2NM)
DHMT				
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	5.120,03	GFA-FM/CO C-500507	SGS VN21/00133 (1 NM)
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Đang thực hiện		BVFR-PEFC-COC-8648897 (1NM)
CAMPUCHIA				
21	Công ty CP Cao su Chư Sê KampongThom (*)			
	C.R.C.K 2	8.236,23		BVFR-PEFC-COC-7861559 (Chứng nhận nguồn có kiểm soát PEFC-CS và PEFC-CoC cho 1 NM)
	Bean Heack	8.032,45		BVFR-PEFC-COC-7861562 (Chứng nhận nguồn có kiểm soát PEFC-CS)
22	Công ty CPCS Đồng Nai Kratie	4.712,83		
23	Công ty TNHH PTCS Tân Biên Kampong Thom	7.243,91		
24	Công ty TNHH MTV CS Mêkông	6.082,04		
25	Công ty CPCS Bà Rịa Kampong Thom	5.393,65		
LÀO				
26	Công ty CP Cao su Việt Lào (*)	10.032,67		BVFR-PEFC-COC-9497128 (Chứng nhận nguồn có kiểm soát PEFC-CS và PEFC-CoC cho 1 NM)
27	Công ty CP CB&XK Gỗ Tây Ninh	-	-	SGSCH-PEFC-COC-370026 (1NM)
28	Công ty CP Gỗ Dầu Tiếng	-	-	SGSCH-PEFC-COC-370024 (1NM)
29	Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	-	-	SGSCH-PEFC-COC-370032 (1NM)
30	Công ty CP chỉ sợi cao su V.R.G Sado	-	-	SGSCH-PEFC-COC-370025 (1NM)
Tổng cộng diện tích đạt chứng nhận PEFC-FM đến tháng 08/2025		139.940,06 ha	41 nhà máy	